

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 9 - 2020

V/v: *Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Thu Hiền.

2. Ông Phạm Quốc Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Duy Thường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoàng Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị P, sinh năm 1996.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1992.

Các đương sự cùng địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Phiên tòa: Chị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh K vắng mặt phiên tòa lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 06/6/2020, bản tự khai của nguyên đơn chị Đặng Thị P; ý kiến của bị đơn anh Nguyễn Văn K tại văn bản ngày 17/6/2020 và các tài liệu, chứng cứ lưu trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

- Về hôn nhân: Chị Đặng Thị P và anh Nguyễn Văn K lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12/3/2015 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị Đặng Thị P trình bày: Vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 12/2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh K có tính hay ghen, thường hay ghen tuông vô cớ, gây mâu thuẫn và đánh chửi, xúc phạm danh dự của chị nhưng thời gian này vợ chồng chị ở chung nhà và được bố mẹ chồng can ngăn nên vợ chồng ít đánh chửi nhau. Vợ chồng chị mâu thuẫn nhiều hơn từ cuối năm 2017, khi cùng làm công nhân tại Công ty TNHH nhựa Trường Thành ở xã P, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh do anh K nghi ngờ chị không trung thực trong vấn đề quản lý kinh tế chung của vợ chồng và anh K vẫn thường xuyên ghen tuông vô cớ, gây mâu thuẫn, đánh chửi và xúc phạm danh dự của chị. Chị P và anh K mâu thuẫn căng thẳng từ tháng 12/2019, vợ chồng tuy vẫn ăn chung, ở chung một nhà nhưng chấm dứt không quan hệ với nhau về tình cảm. Đến tháng 5/2020, vợ chồng quyết định chuyển về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh K, tuy nhiên mâu thuẫn vẫn không được cải thiện mặc dù đã được bố mẹ 02 bên gia đình hòa giải nhiều nhưng không có kết quả và đã sống ly thân từ ngày 06/6/2020. Từ đó đến nay bố mẹ đẻ anh K đã nhiều lần nói xấu và có những lời lẽ không hay xúc phạm tới chị và bố mẹ đẻ chị. Nay chị P xác định vợ chồng không thể về chung sống với nhau được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh K.

Anh Nguyễn Văn K xác nhận: Anh và chị P lấy nhau là tự nguyện, quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra một số mâu thuẫn nhưng chưa đến mức phải ly hôn, nên anh không đồng ý ly hôn với chị P.

- Về con chung: Chị P và anh K có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhật T, sinh ngày 26/6/2015. Cháu T hiện đang do anh K nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh K yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T, chị P đồng ý để anh K tiếp tục nuôi cháu T và chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho anh K 1.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho anh Nguyễn Văn K. Anh K có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án nhưng lại vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc khi Tòa án triệu tập nên Tòa án không ghi được lời khai của anh K; không tiến hành hòa giải được giữa chị P với anh K. Chị P từ chối hòa giải.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định pháp luật; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật; bị đơn không tham gia buổi hòa giải, tiếp cận, công khai chứng cứ và nhiều lần vắng mặt phiên tòa là

chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị xử lý hôn giữa chị Đặng Thị P và anh Nguyễn Văn K. Về con chung, giao cháu Nguyễn Nhật T, sinh ngày 26/6/2015 cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng, chị P có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho anh K mỗi tháng 1.000.000 đồng. Các vấn đề khác ngoài phạm vi yêu cầu khởi kiện nên không giải quyết. Về án phí: Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do chị Đặng Thị P cung cấp, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho anh Nguyễn Văn K. Anh K có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án nhưng lại vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc khi Tòa án triệu tập, gây cản trở quyền lợi ích hợp pháp của đương sự khác và hoạt động tố tụng của Tòa án, nhiều lần vắng mặt tại phiên tòa; nguyên đơn (chị Đặng Thị P) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt đối với chị P, anh K theo thủ tục chung quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đặng Thị P và anh Nguyễn Văn K là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị P là do anh K thường hay ghen tuông vô cớ, gây mâu thuẫn và đánh chửi, xúc phạm danh dự của chị; anh K còn nghi ngờ chị P không trung thực trong vấn đề quản lý kinh tế chung của vợ chồng. Vợ chồng đã chấm dứt không quan hệ tình cảm từ tháng 12/2019 cho đến nay. Anh K xác nhận vợ chồng có một số mâu thuẫn nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Tuy nhiên theo bố đẻ anh K (ông Nguyễn Văn H) cung cấp, chị P và anh K mâu thuẫn đã được bố mẹ 02 bên gia đình hòa giải nhiều nhưng không có kết quả; mặt khác anh K không đồng ý ly hôn nhưng không có thiện chí tham gia hòa giải đoàn tụ cùng chị P. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị P là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh K hiện đang nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T, cuộc sống của cháu được đảm bảo. Anh K yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm

sóc cho cháu T. Chị P đồng ý và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho anh K mức 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị P phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Đặng Thị P và anh Nguyễn Văn K.

2. Về con chung: Giao anh Nguyễn Văn K được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Nhật T, sinh ngày 26/6/2015. Chị Đặng Thị P có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu T cho anh K mỗi tháng 1.000.000 (*Một triệu*) đồng, kể từ tháng 10/2020 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Đặng Thị P phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Cộng án phí chị P phải nộp là 600.000 (*Sáu trăm nghìn*) đồng, trừ với số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai số AA/2015/0003710 ngày 10 tháng 6 năm 2020. Chị P còn phải nộp thêm số tiền là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án niêm yết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- UBND xã H;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Quốc Huy